

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
T PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2024/DSST

Ngày: 23-9-2024

V/v: “*T/c yêu cầu thực hiện nghĩa vụ người chết để lại - Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C**

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Trung Hiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn V Hải Đăng**

Bà Võ Thị Bích Huyền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa:* Ông **Tô Minh Phú** - *Kiểm sát viên.*

Trong 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, T phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2024/TLST - DS ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ người chết để lại; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 328/2024/QĐXX - ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 242/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Lê P T, sinh năm 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 145, khu vực P, phường T, quận C, T phố Cần Thơ.

* *Bị đơn:*

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ liên lạc: 275, khu vực L, phường T, quận C, T phố Cần Thơ.

2. Ông Lê Văn T, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ liên lạc: 275, khu vực L, phường T, quận C, T phố Cần Thơ.

3. Ông Lê Văn D, sinh năm 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 38 Tân Lợi, thị trấn A, huyện Châu T A, tỉnh Hậu Giang

4. Bà Lê Thị L, sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ liên lạc: 275, khu vực L, phường T, quận C, T phố Cần Thơ.

5. Bà Lê Thị N, sinh năm 1974 (Có đơn xin vắng).

Địa chỉ: ấp Khánh A, xã E, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang

6. Ông Lê Văn V, sinh năm 1981 (Có đơn xin vắng)

Địa chỉ liên lạc: 275, khu vực L, phường T, quận C, T phố Cần Thơ.

7. Bà Lê Thị T T, sinh năm 1984 (Có đơn xin vắng)

Địa chỉ liên lạc: 275, khu vực L, phường T, quận C, T phố Cần Thơ.

8. Bà Võ Thị B, sinh năm 1942 (Xin vắng).

Địa chỉ liên lạc: 275, khu vực L, phường T, quận C, T phố Cần Thơ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Hữu P, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 145B, khu vực P, phường T, quận C, T phố Cần Thơ.

2. Bà Lê Thị D, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 145, khu vực P, phường T, quận C, T phố Cần Thơ.

Bà D ủy quyền cho ông Lê Quốc K, sinh năm 1984. Văn bản ủy quyền ngày 03.6.2024. Ông K có mặt.

3. Ông Lê Quốc K, sinh năm 1984 (Có mặt)

Số 145B, khu vực P, phường T, quận C, T phố Cần Thơ.

4. Bà Lê Thị Hồng N, sinh năm 1987 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 503 khu vực T, phường T, quận C, T phố Cần Thơ.

5. Bà Lê Thị Kim E, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp Phú Thạnh, xã A, huyện Châu T, tỉnh Hậu Giang.

Bà Kim E ủy quyền cho ông Lê Quốc K, sinh năm 1984. Văn bản ủy quyền ngày 03.6.2024. Ông K có mặt.

** Người làm chứng:*

1. Ông Đào Phú T, sinh năm 1957 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 177 khu vực P, phường T, quận C, T phố Cần Thơ.

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1958 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 147 khu vực P, phường T, quận C, T phố Cần Thơ.

3. Ông Thái Văn M (Có mặt)

Địa chỉ: khu vực P, phường T, quận C, T phố Cần Thơ.

4. Bà Nguyễn Thị Đ (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu vực P, phường T, quận C, T phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn K kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện nguyên đơn trình bày:*

Vào năm 1991, bà Võ Thị B cùng chồng là ông Lê Văn M có bán cho cha ông Lê P T là ông Lê Văn T và mẹ ông là bà Võ Thị Liên H một phần đất. Lúc đầu, cha ông T không đồng ý mua nhưng bà B và ông M nói không mua thì sẽ bán cho người khác. Do đất của ông bà nên cha ông T không muốn bán cho người ngoài nên đã cố gắng mua lại phần đất.

Sau khi bà Võ Thị B và ông Lê Văn M nhận tiền thì đã cắm cột mốc giao đất cho cha mẹ ông T sử dụng nhưng chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến ngày 15/03/1992, bà Võ Thị B được UBND huyện Châu T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bao gồm luôn phần đất đã bán cho cha mẹ ông T. Số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà B được cấp là B038155, số vào sổ cấp giấy 000155.

Ông Lê Văn T và bà Võ Thị Liên H sử dụng đến năm 2005 thì giao lại phần đất trên cho ông T sử dụng ổn định đến nay.

Ông M chết có hàng thừa kế thứ nhất là: bà Võ Thị B, ông Lê Văn T, ông Lê Văn T, ông Lê Văn D, bà Lê Thị L, bà Lê Thị N, ông Lê Văn V, bà Lê Thị T T.

Ông Lê Văn T và bà Võ Thị Liên H chết có hàng thừa kế thứ nhất là: ông Lê P T, ông Lê Hữu P, bà Lê Thị D, ông Lê Quốc K, bà Lê Thị Hồng N, bà Lê Thị Kim E.

Các anh chị E của ông T là ông Lê Hữu P, bà Lê Thị D, ông Lê Quốc K, bà Lê Thị Hồng N, bà Lê Thị Kim E đều đã đồng ý việc ông T sử dụng và đứng tên thừa đất số: 806, tờ bản đồ: 05, diện tích: 1430,7m², thửa đất tọa lạc tại khu vực P, phường T, quận C, T phố Cần Thơ.

Ngày 28/02/2023, ông T có yêu cầu bà Võ Thị B tách thửa chuyển nhượng giao đất lại cho ông T thì lúc đầu bà B đồng ý nên giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T làm thủ tục tách thửa. Sau khi có hồ sơ kỹ thuật chuyển nhượng, với diện tích 1430,7m² nhưng công chứng yêu cầu phải làm thủ tục khai nhận di sản thừa

kế xong mới chuyển nhượng được thì các hàng thừa kế của ông M và bà B không đồng ý tách thửa chuyển nhượng phần đất đó cho ông T.

Vì vậy, ông T K kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

1. Yêu cầu các đồng thừa kế của ông M là: bà Võ Thị B, ông Lê Văn T, ông Lê Văn T, ông Lê Văn D, bà Lê Thị L, bà Lê Thị N, ông Lê Văn V, bà Lê Thị T T thực hiện nghĩa vụ sang tên thửa đất số: 806, tờ bản đồ: 05, diện tích: 1430,7m², thửa đất tọa lạc tại khu vực P, phường T, quận C, T phố Cần Thơ cho ông Lê P T theo hợp đồng mua bán giữa ông Lê Văn M với cha mẹ ông T là ông Lê Văn T và bà Võ Thị Liên H vào năm 1991.

2. Yêu cầu Tòa án nhân dân quận C, T phố Cần Thơ công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 806, tờ bản đồ: 05, diện tích: 1430,7m², thửa đất tọa lạc tại khu vực P, phường T, quận C, T phố Cần Thơ cho ông Lê P T.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lê Văn T và Lê Văn T trình bày:*

Về nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ ông là ông Lê Văn M và bà Võ Thị B. Rước đây cha mẹ ông có cầm một phần đất nêu trên cho ông T và bà H với giá 01 chỉ vàng. Gia đình chúng ông đã nhiều lần yêu cầu được chuộc lại phần đất trên nhưng gia đình ông T không đồng ý. Trước yêu cầu K kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý vì gia đình ông không có bán đất.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Hữu P, Lê Thị Hồng N thống nhất với trình bày của nguyên đơn Lê P T.*

Vụ án hòa giải không T cho nên Tòa án đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu K kiện đối với bị đơn. Yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 1417.1m², loại đất LUC, tại thửa 806, tờ bản đồ 05 cho nguyên đơn.

Các bị đơn Lê Văn D, Lê Văn T, Lê Văn T và Lê Thị L khai bà Võ Thị B và ông Lê Văn M không có bán đất cho ông Lê Văn T và bà Võ Thị Liên H mà chỉ có cầm cố đất. Tuy N, nguyên đơn yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 1417.1m², loại đất LUC, tại thửa 806, tờ bản đồ 05 cho nguyên đơn thì các nguyên đơn cũng đồng ý, các bị đơn không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Hữu P và Lê Quốc K thống nhất với yêu cầu K kiện của nguyên đơn và không có ý kiến gì thêm.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu quan điểm:**

Về tố tụng: Tòa thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải đúng luật định; gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ cho Viện kiểm sát, đưa ra xét xử đúng hạn. Tại tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo luật định. Đối với các đương sự có đơn xin vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt theo qui định.

Về nội dung: Trên cơ sở xE xét chứng cứ và trình bày của đương sự, kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu K kiện của nguyên đơn (Đính kèm bài phát biểu).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ theo đơn K kiện của nguyên đơn, xác định đây là quan hệ “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ người chết để lại; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại quận C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn Lê Thị N, Lê Văn V, Lê Thị T T, Võ Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Hồng N có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về nội dung yêu cầu K kiện của nguyên đơn:

Xét yêu cầu K kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét về nguồn gốc thửa đất số 806, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại khu vực P, phường T, quận C, T phố Cần Thơ là của ông Lê Văn M và bà Võ Thị B. Bà B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000155 ngày 15/3/1992 do Ủy ban nhân dân huyện Châu T, tỉnh Cần Thơ cấp (nay là quận C, T phố Cần Thơ). Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê P T là con ông Lê Văn T và bà Võ Thị Liên H cho rằng vào khoảng năm 1991 ông T là cha ông T có mua một phần đất của ông Lê Văn M và bà Võ Thị B với giá là 05 chỉ vàng. Mặc dù, các bên không có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật nhưng ông M

và bà B đã giao phần đất này cho ông M canh tác và sau này là ông T canh tác, quản lý sử dụng cho đến nay. Phần đất tranh chấp được thể hiện tại vị trí A có diện tích là 1417.1m², loại đất LUC, theo bản trích đo địa chính số 462/VPĐKĐĐ ngày 30/7/2024 của Văn phòng Đăng ký đất đai T phố Cần Thơ (BL89). Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Lê Văn T là cha ông T là người quản lý sử dụng phần đất này từ trước năm 1992, sau đó ông T lên bờ để trồng vườn vào năm 2009, sau khi ông T chết thì phần đất này để lại cho con trai là Lê P T canh tác, sử dụng (BL56). Tại biên bản xác minh ngày 12/7/2024 thể hiện phần đất tranh chấp là do ông M bán cho ông T (BL57). Các hàng thừa kế của ông M là Lê Hữu P, Lê Thị D, Lê Quốc K, Lê Thị Hồng N, Lê Thị Kim E đều thống nhất công nhận cho ông T phần diện tích đất là 1417.1m², loại đất LUC và làm thủ tục đứng tên quyền sử dụng đất cho ông T. Quá trình giải quyết vụ án các bị đơn Lê Văn T, Lê Văn T, Võ Thị B, Lê Thị T T không đồng ý với yêu cầu K kiện của nguyên đơn. Tuy N, tại biên bản lấy khai ngày 09/9/2024 bà Võ Thị B đồng ý cắt phần đất có diện tích 1417.1m² đất tọa lạc tại thửa 806 cho ông Lê P T và tại phiên tòa, các bị đơn Lê Văn T, Lê Văn T, Lê Văn D, Lê Thị L cũng đồng ý công nhận phần diện tích 1417.1m² đất tọa lạc tại thửa 806 cho ông Lê P T. Các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa gồm Lê Thị N, Lê Văn V, Lê Thị T T cũng có ý kiến giống bị đơn Võ Thị B. Các bị đơn không có yêu cầu gì khác. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê P T đồng ý hỗ trợ cho bà Võ Thị B số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái với quy định của pháp luật cho nên được ghi nhận.

Từ những phân tích trên, cho thấy yêu cầu K kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Công nhận giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 1417.1m², loại đất LUC thuộc thửa đất số 806 tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu vực P, phường T, quận C, T phố Cần Thơ giữa ông Lê Văn T, bà Võ Thị Liên H với ông Lê Văn M, bà Võ Thị B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000155 ngày 15/3/1992 do Ủy ban nhân dân huyện Châu T, tỉnh Cần Thơ cấp (nay là quận C, T phố Cần Thơ) cho ông Lê P T là người thừa kế của ông Lê Văn M, bà Võ Thị Liên H.

Ông Lê P T được quyền sử dụng diện tích đất 1417.1m², loại đất LUC thuộc thửa đất số 806 tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu vực P, phường T, quận C, T phố Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000155 ngày 15/3/1992 do Ủy ban nhân dân huyện Châu T, tỉnh Cần Thơ cấp cho bà Võ Thị B (nay là quận C, T

phố Cần Thơ). Tại vị trí A của bản trích đo địa chính số 462/VPĐKĐĐ ngày 30/7/2024 của Văn phòng Đăng ký đất đai T phố Cần Thơ.

Ghi nhận ông Lê P T đồng ý hỗ trợ cho bà Võ Thị B số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Ông Lê P T được quyền liên hệ cơ quan đăng ký quyền sử dụng đất thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho mình theo quy định của Luật Đất đai. Sau khi ông T giao đủ 10.000.000 đồng cho bà B thì bà B có nghĩa vụ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000155 ngày 15/3/1992 do Ủy ban nhân dân huyện Châu T, tỉnh Cần Thơ để ông T thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất. Trường hợp bà B không thực hiện, kiến nghị cơ quan cấp giấy thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000155 ngày 15/3/1992 do Ủy ban nhân dân huyện Châu T, tỉnh Cần Thơ để tách diện tích đất trên cho ông T và điều chỉnh lại diện tích còn lại của thửa đất số 806 cho bà B.

4. *Về chi phí tố tụng:* Ông T tự nguyện chịu chi phí xE xét, thẩm định và định giá tài sản với số tiền là 7.000.000 đồng, ông T đã thực hiện xong.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Lê P T tự nguyện chịu toàn bộ án phí. Ông T phải chịu án phí không có giá ngạch với số tiền là 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003410 ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, T phố Cần Thơ. Ông T đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này theo qui định của pháp luật.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích trên về yêu cầu K kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 124, 401, 402, 635, 636, 637, 688, 689, 697, 698, 699, 702 Bộ luật dân sự 2005;

- Các Điều 105, 106 Luật đất đai năm 2003;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu K kiện của nguyên đơn Lê P T.

Công nhận giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 1417.1m², loại đất LUC thuộc thửa đất số 806 tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu vực P, phường T, quận C, T phố Cần Thơ giữa ông Lê Văn T, bà Võ Thị Liên H với ông Lê Văn M, bà Võ Thị B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000155 ngày 15/3/1992 do Ủy ban nhân dân huyện Châu T, tỉnh Cần Thơ cấp (nay là quận C, T phố Cần Thơ) cho ông Lê P T là người thừa kế của ông Lê Văn M, bà Võ Thị Liên H.

Ông Lê P T được quyền sử dụng diện tích đất 1417.1m², loại đất LUC thuộc thửa đất số 806 tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu vực P, phường T, quận C, T phố Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000155 ngày 15/3/1992 do Ủy ban nhân dân huyện Châu T, tỉnh Cần Thơ cấp cho bà Võ Thị B (nay là quận C, T phố Cần Thơ). Tại vị trí A của bản trích đo địa chính số 462/VPĐKĐĐ ngày 30/7/2024 của Văn phòng Đăng ký đất đai T phố Cần Thơ. (Đính kèm bản trích đo địa chính số 462/VPĐKĐĐ ngày 30/7/2024).

Ghi nhận ông Lê P T đồng ý hỗ trợ cho bà Võ Thị B số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Ông Lê P T được quyền liên hệ cơ quan đăng ký quyền sử dụng đất thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho mình theo quy định của Luật Đất đai. Sau khi ông T giao đủ 10.000.000 đồng cho bà B thì bà B có nghĩa vụ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000155 ngày 15/3/1992 do Ủy ban nhân dân huyện Châu T, tỉnh Cần Thơ để ông T thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất. Trường hợp bà B không thực hiện, kiến nghị cơ quan cấp giấy thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000155 ngày 15/3/1992 do Ủy ban nhân dân huyện Châu T, tỉnh Cần Thơ để tách diện tích đất trên cho ông T và điều chỉnh lại diện tích còn lại của thửa đất số 806 cho bà B.

Về phí, lệ phí và thuế liên quan đến việc tách thửa, sang tên phân diện tích đất nêu trên do ông Lê P T tự nguyện chịu.

2. *Về chi phí tố tụng*: Ông T tự nguyện chịu chi phí xét, thẩm định và định giá tài sản với số tiền là 7.000.000 đồng, ông T đã thực hiện xong.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Lê P T tự nguyện chịu toàn bộ án phí. Ông T phải chịu án phí không có giá ngạch với số tiền là 300.000 đồng. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003410 ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, T phố Cần Thơ. Ông T đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân T phố Cần thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. C;
- Chi cục THA Q.C;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Trung Hiến